

Hỏi đáp chủ đề Tứ Diệu Đế - Pháp sư Thông Kham Mahà Medhivongse

HỎI: Trước kia tôi chưa học Phật tôi không cảm thấy khổ là gì hết. Càng đi sâu vào Phật giáo thì càng thấy tất cả những gì cũng đều khổ, tội. Tôi càng nghĩ càng kinh sợ.

Thưa ông, đành rằng Đạo Phật là Đạo diệt trừ khổ. Nhưng tôi vẫn còn hoài nghi: Không biết chắc rằng có diệt tận được khổ hay chăng. Vì tôi vẫn còn thấy tất cả hàng Phật tử thậm chí đến hàng Tăng lữ là bậc hành Phạm hạnh cao thượng nhất mà cũng vẫn thấy còn khổ?

ĐÁP: Ông đề cập đến vấn đề "Khổ" vậy chính ông có hiểu rõ tiếng khổ chưa? Khổ nghĩa là gì? Có bao nhiêu loại khổ? Khi nào khổ sinh lên? Và do nguyên nhân nào mới phát sinh khổ? Phàm người muốn diệt khổ phải biết nguyên nhân sinh khổ cho thật chắc, thật rõ mới tìm thấy phương pháp diệt khổ.

HỎI: Thưa ông, người đời không ai không bị khổ, ai ai cũng phải trải qua cảnh khổ, không khổ này cũng khổ kia, ai cũng biết vậy. Nay ông lại hỏi tôi: Khi nào khổ sinh lên? Do nguyên nhân nào? Thưa ông hỏi vậy để làm gì?

ĐÁP: Sở dĩ mà tôi phải hỏi vậy để biết ông quan niệm cái khổ ra sao? Theo lời Phật dạy: Muốn hiểu rõ cái khổ phải học cho biết thật rõ ràng, phải mất rất nhiều thì giờ, chớ không phải giản dị như ông tưởng. Vậy ông có thể kể sơ cho tôi biết vài cái khổ mà ông cho là khổ được không?

HỎI: Được, nhưng nếu tôi nói hơi sai hay lạc đề xin ông tha lỗi cho. Vì chắc rằng ý kiến của tôi không phù hợp với Phật giáo. Theo quan niệm của tôi, khổ là sự bức bối trong tâm, khổ ấy sở dĩ xâm nhập vào tâm do một sự việc hay hoàn cảnh bên ngoài như thất vọng. Khổ vì thiếu thức ăn, thiếu mặc, vợ bệnh, con đau... Thưa ông theo tôi hiểu khổ như vậy có đúng không?

ĐÁP: Cũng tạm gọi là đúng, nhưng tôi thiết tưởng nên sắp lại cho có thứ tự. Theo như ông vừa kể thì khổ có rất nhiều, nhưng chung quy không ngoài cái khổ của thân và cái khổ của tâm. Bốn trọng khổ trên đời này là:

- Khổ sinh.
- Khổ già.
- Khổ đau.
- Khổ chết.

Ngoài ra còn có:

- Sống chung với người mình không ưa cũng khổ.
- Xa lìa người mình yêu thương quý mến cũng khổ.
- Muốn mà không toại nguyện cũng khổ.
- Tóm lại chấp trước thân ngũ uẩn này là khổ.

Để hiểu rõ *Khổ*, Đức Thế Tôn có dạy chia khổ ra làm 3 phương diện khác nhau là:

- Dukkavedanà, Thọ Khổ.
- Dukkhalakkhanà, Trạng thái của Khổ.
- Dukkha àriyasacca, Khổ diệu đế.

HỎI: Thưa ông, để dễ theo dõi trước hết xin ông định nghĩa dùm tiếng *Dukkha*, *Khổ*.

ĐÁP: Để phân tích Phạn ngữ "*Dukkha*" ta thấy như thế này: "Du" có nghĩa là khó, "Kha" có nghĩa là chịu đựng. Theo văn phạm, chữ Kha đứng sau như vậy thêm vào chữ K nữa để cho dễ đọc. Vậy khi ráp lại thành chữ là *Dukkha* có nghĩa là vật gì làm cho ta khó chịu đựng nổi, vật ấy gọi là *Dukkha*, ta gọi là *Khổ*... Người hiểu như thế theo phương diện cảm giác gọi là *Vedanà*, nghĩa là Thọ.

Nếu hiểu về phương diện chân lý trừu tượng thì Du có nghĩa là vật gì đáng khinh miệt (không đáng cho chúng ta bám víu), Kha là hư vô, rỗng không.

Thế gian là biển khổ, và như vậy là đáng cho ta khinh miệt không đáng cho ta quan tâm, bám víu vào. Thế gian không phải là thực tế mà là ảo ảnh, là hư vô, là rỗng không. Vậy *Dukkha* theo nghĩa này là hư vô, không đáng cho ta bám víu, hay nói một cách khác cho dễ hiểu hơn là thế gian này không có gì đáng cho ta miệt mài hay ham mê, theo nó chỉ làm cho ta buồn rầu đau khổ thôi.

HỎI: Xin ông cho biết Phật giáo có dạy phương pháp nào để diệt trừ những cái khổ mà ông đã kể trên không?

ĐÁP: Dĩ nhiên là phải có, nếu không có dạy phương pháp diệt khổ thì ai tu theo Phật làm gì.

Đức Thế Tôn dạy về Thọ khổ rất tóm tắt, vì Ngài cho cái khổ này không phải là cái khổ vĩ đại. Tiếng "Vedana" có nghĩa nhận lấy.

"Dukkha-vedana" có nghĩa là nhận lấy một đối tượng bên ngoài vào làm cho tâm ta khó chịu. Vậy Thọ khổ là lãnh một trạng thái không vui từ bên ngoài như mất của, xa người thương yêu, gần người thù ghét, bệnh hoạn, bị hiếp đáp v...v

Đức Thế Tôn ví những cái khổ vừa kể trên như bệnh ghẻ ngoài da, không quan hệ lắm. Những cái khổ còn con này người đời ai ai cũng có thể tự chữa cho mình được bằng cách này hay cách khác. Thí dụ như bị mất tiền là khổ, nhưng tiền ấy có thể kiếm lại được, khi được tiền lại là vui ngay. Xa người thân thuộc mến yêu là khổ, nhưng lúc gặp lại thì vui ngay. Bệnh hoạn là khổ khi hết bệnh là vui lại liền. Cách chữa bệnh ở trên chỉ tạm thời mà thôi vì các nỗi khổ kia rồi sẽ còn trở lại làm khổ chúng ta nữa. Tại sao vậy?

Vì những cuộc vui vừa kể trên là những cái vui tạm bợ, sau những cái vui ấy còn đầy nỗi khổ do phiền não tạo nên, những cái vui mà chúng ta hưởng hàng ngày đây chưa hẳn là vui hoàn toàn vĩnh cửu theo lời Phật dạy.

Đáng tiếc thay! Người đời chỉ thấy được cái thọ khổ và cách chữa trị nông cạn như trên nên phần đông đều xem thường cái khổ. Do đó họ còn phải chịu trầm luân mãi mãi trong bể luân hồi khổ.

Chỉ có đáng Đại Giác Ngộ, Thánh nhân, Chư Đốc Giác Phật mới nhìn thấy và biết rõ trạng thái thậm thâm vi diệu của pháp Tứ đế trong đó có Khổ diệu đế. Nhờ các ngài trông thấy cả bề sâu và bề rộng của các pháp ấy nên các Ngài mới diệt được tận nguồn gốc của cái khổ và cũng do đó mà các Ngài giải thoát được.

Muốn hiểu rõ ý nghĩa hai cái khổ trọng đại vừa nói là

Dukkhalakkhana - Trạng thái của khổ, và Dukkha àriyasacca - Khổ diệu đế, ông còn cần phải biết thêm vài chi tiết phụ thuộc về đời sống của con người như:

- Đời sống là gì?
- Tại sao có đời sống?
- Đời sống từ đâu đến?
- Sau cùng đời sống sẽ đi về đâu?

Khi mà người hiểu rõ được bốn điều này bằng trí tuệ thật sự thì người ấy mới biết rõ cái khổ.

HỎI: *Thú thật với ông tôi chưa từng xem kinh hay nghe đến bốn điều ấy bao giờ, xin ông vui lòng giải thích luôn cho tôi được biết?*

ĐÁP: Xin ông ráng nghe cho kỹ những điều này vì rất là quan trọng. Đức Thế Tôn dạy người mà chưa biết đời sống là gì, người ấy chưa biết thế nào là khổ, và cũng không bao giờ có đầy đủ nghị lực để chống lại với khổ, thì làm sao mà giải thoát cho được.

Ngài cũng có dạy thêm rằng: Ở đâu có đời sống thì ở đó có khổ. Khổ không phải từ bên ngoài đến mà chính nó ở trong lòng người. Dầu có muồn trốn cũng không khỏi. Đời sống của con người, chắc chắn sẽ có khổ. Một đôi khi cũng có vui, nhưng chỉ vui thoáng qua trong chớp mắt thôi, cái vui thật ngắn ngủi, mà rất khó gặp được. Vì lẽ ấy nên cõi đời này mới gọi là bể khổ. Đức Phật ví người sống trên cõi đời này chẳng khác nào người cầm đuốc chạy ngược chiều gió, bị lửa tấp vào tay vào mặt luôn luôn. Đôi khi có ngọn gió thổi tạt qua một bên, được mát một chút. Lúc đó tạm hưởng được một chút an vui, lại quên mất cái khổ đi.

Để cho ông dễ nhận thức hơn, tôi xin nhắc lại tích của một thầy Bà la môn vẫn nạn Đức Thế Tôn.

Thầy Bà la môn hỏi: "Thưa thầy Cồ Đàm, trong thế gian này cái khổ nào vĩ đại hơn hết?"

Thay vì đáp lời, Ngài lại hỏi thầy Bà la môn rằng:

- Vậy riêng thầy, thầy nghĩ khổ nào vĩ đại hơn hết?
- Theo tôi nghĩ, khổ chết có lẽ là vĩ đại hơn hết.
- Cái chết chưa phải là cái khổ vĩ đại tuyệt đối.
- Nếu không phải thì chắc là sự tiêu hoại tài sản chứ gì?
- Cũng không phải.
- Vậy chắc là sự chia lìa kẻ thân yêu nhất của mình?
- Điều này chỉ là cái khổ rất nhỏ phụ thuộc mà thôi.
- Không phải vậy thì nó là cái khổ đói khát chăng?
- Cũng chưa đúng.
- Thôi, vậy là cái khổ trong A Tỳ Địa ngục rồi.
- Cũng không phải nữa.

Khi ấy thầy Bà la môn không còn biết phải trả lời cách nào nữa, đành phải thú nhận sự ngu dốt của mình và cầu xin Đức Thế Tôn chỉ dạy cho.

Đức Thế Tôn mới phán rằng: ***Cái khổ vĩ đại của chúng sinh là còn tái sinh lại nữa.***

Ý Đức Phật muốn dạy, vì người còn có thân này nên mới còn có tất cả những thứ khổ. Ngài thường nhắc nhở chúng sinh rằng: Thân này là ổ khổ, cái nôi sinh ra khổ, nguồn gốc của mọi sự khổ.

Sở dĩ cái khổ còn đến với chúng sinh vì chúng sinh còn chấp cái ta, là cái thân này. Cái khổ theo lời Phật dạy không phải là do từ bên ngoài mà chính là do lửa phiền não ở bên trong nó thiêu đốt tâm ta.

Một khi tâm ta còn phiền não thì nó còn tối mê. Con người không sáng suốt thì còn tạo nghiệp, nhất là nghiệp Ác, vì đó mà phải tái sinh luân hồi để trả quả, và chịu khổ triền miên.

Giờ đây ông đã hiểu thế nào là khổ và nguồn gốc của khổ rồi thì chúng ta có thể đề cập đến phương pháp diệt tận khổ của Đức Thế Tôn đã giáo truyền.

Như ông đã biết Đức Thế Tôn thường được suy tôn là bậc "Tối thượng y vương" vì các môn thuốc của Ngài trị được tận gốc các chứng bệnh của chúng sinh.

Ở đây cũng thế, phương pháp diệt khổ của Đức Phật dạy là phải diệt tận ngay nơi nó phát khởi. Nói một cách khác là phải dập tắt ngay phiền não trong thâm tâm mình, đừng để nó phát sinh lên.

Đức Thế Tôn dạy rất nhiều phương pháp diệt khổ hay dập tắt lửa khổ, lửa phiền não trong thâm Tâm. Ta có thể nói tất cả lời dạy trong Tam Tạng chỉ có một mục tiêu là diệt khổ. Chẳng hạn 37 nhân sanh quả Bồ đề.

Nhưng để cho ông dễ nhớ hơn, tôi có thể tóm lại là chung quy không ngoài ba pháp là Giới, Định, Tuệ.

- Tu Giới là để giữ gìn không cho phiền não phát sinh trong tâm.
- Tu Định là để đè nén không cho phiền não bên trong bộc khởi lên được.
- Tu Tuệ là để diệt trừ tất cả mọi phiền não trong tâm.

Người mà Tâm không còn phiền não là người có Minh sát tuệ, người ấy nhận thấy rõ rệt thực tướng của vạn vật trên cõi đời này (kể cả thân ta) là Vô thường, Khổ não và Vô ngã nên không mê luyến mến tiếc

nữa. Người như vậy phát tâm chán nản, xa lìa trần tục, đoạn tuyệt Ái dục, không còn tạo nghiệp, sẽ hết khổ vì khỏi phải tái sinh lại sau khi chết.

HỎI: *Thưa ông, tại sao cả ba pháp Giới, Định Tuệ, Đức Phật dạy đều là phương pháp diệt khổ nơi Tâm, mà không có phương pháp nào diệt khổ của Thân?*

ĐÁP: Vì trên thực tế nếu Tâm hết khổ, được an vui thì thân cũng được an vui, không cần đề cập đến làm gì.

HỎI: *Theo tôi thiết nghĩ vật chất có trước tinh thần (Tâm). Vậy Tâm không quan trọng bằng Thân (Vật chất). Sở dĩ con người phải khổ vì thiếu vật chất nghĩa là thiếu những nhu cầu cho bản thân. Nếu ta có đủ cung phụng cho thân, thì nó đâu còn đau khổ và tinh thần sẽ được an vui thơ thới.*

Vậy xin ông cho biết theo Phật giáo dạy Thân có trước hay Tâm có trước.

ĐÁP: Đối với giáo lý nhà Phật về vấn đề Thân có trước Tâm, hay Tâm có trước Thân là "không quan trọng". Dù Thân có trước hay Tâm có trước, điều chắc chắn là con người vẫn phải khổ vì nó. Dầu ta có phí mất bao nhiêu công lao khó nhọc, thì giờ quý báu để nghiên cứu tìm ra và biết được Tâm hay Thân cái nào có trước, nó cũng chẳng đem ích lợi gì đến ta, vì nó không giúp ta diệt được khổ.

Nếu ông thiên về sắc thì ông bảo sắc có trước, sắc là vật quan trọng. Nhưng thử hỏi sắc mà không có Tâm vậy Sắc có tồn tại được hay không?

Có Thân mà không có Tâm vậy cái thân ấy có thể gọi là người được không?

Theo lời Phật dạy thì Tâm là chủ Thân. Tất cả những sự cảm xúc vui buồn, sướng hay khổ đều do Tâm mà có. Nếu không có tâm thì không có gì hết.

Tóm lại vui hay khổ đều do nơi Tâm mà có, vì vậy nên khi ta khổ, ta nên tìm xem nguyên nhân nào làm cho Tâm ta khổ, sau đó ta mới có thể dập tắt được tận nguồn gốc cái khổ.

Con người khi thấy thiếu thốn nhu cầu vật chất cho họ, họ cho là khổ, và lại lầm tưởng rằng: nếu cung phụng đầy đủ nhu cầu cho bản thân tất nhiên hết khổ, được an vui ngay.

Nhưng họ không ngờ rằng làm như thế không công hiệu lắm mà theo một hai trường hợp lại làm gia tăng sự thèm muốn nữa, xin quý vị hãy nghĩ coi vật đó là gì.

Sự cung cấp vật thực cho Tâm phải chăng là tạm thời thỏa mãn sự đòi hỏi trong một gian đoạn nào đó mà thôi. Nhưng trái lại, cái bệnh xu hướng và ham mê theo dục trần, gọi chung là ái dục, chẳng những không thuyên giảm mà nó lại ngấm ngấm gia tăng mãnh liệt. Lòng tham vọng của con người vô bờ bến, không bao giờ biết đầy, mà cũng chẳng có chỗ nào chứa cho đủ, vì vậy nên con người không thể làm sao cho thỏa mãn lòng khát vọng của mình. Nếu hôm nay được một, mai muốn có thêm hai, mãi mãi đến nơi không có số đếm, mặc dù vậy mà Tâm cũng chẳng biết chán.

Người thấy thiếu tiền thật là khổ, nhưng mà khi đã được tiền rồi vị tất được an vui trọn vẹn. Biết bao nhiêu người nghèo khó khi làm việc có tiền, trở thành Trưởng giả sang giàu, nhưng rồi lòng ham muốn vẫn còn làm cho họ khổ, không bao giờ được an vui, vì họ chưa thấy đủ. Đó là chưa kể những cái khổ phụ thuộc khác như lo lắng thêm nhiều, sợ mất của càng làm lo sợ nhiều hơn.

Thử hỏi khi có nhiều của cải tài sản như vậy có hết khổ không? Có an vui như mong muốn không?

Thật ra vui hay khổ là vật vô tư, không thật có, nhưng chỉ vì tâm chúng ta còn đầy dẫy phiền não, tối mê nên chấp là có thật để rồi tự mình thấy khổ hoặc vui mà thôi. Bao giờ Tâm ta sạch hết phiền não thì không còn khổ nữa.

HỎI: Thưa ông, muốn hành cho có kết quả ba phương pháp tận diệt phiền não là Giới, Định, Tuệ ấy, người Phật tử cần phải có thêm điều kiện gì khác không?

ĐÁP: Đức Thế Tôn thường dạy: Nên tập cho mình trở nên người luôn luôn có trí nhớ, biết mình, không nên dễ dãi thì mới giải thoát được. Đối với người Phật tử, Trí nhớ rất quan trọng, ví như cái khiên để che chở tên đạn cho người chiến sĩ. Khi Tâm người thiếu Trí nhớ thì làm gì cũng khó có kết quả mỹ mãn, và trái lại còn đem đến sự tai hại nữa.

Theo người đời, có trí nhớ là không quên phận sự của mình. Pháp ghi nhớ của Đức Thế Tôn dạy có khác và thật chu đáo. Trí nhớ được Ngài phân tích và mô tả thành nhiều pháp phụ cho chúng ta dễ hiểu và dễ lãnh hội, nhất là để cho người ai ai cũng có thể thực hành theo được. Trước hết là vật mà người dùng để ghi nhớ đó thuộc về Tâm, đó là tác ý ghi nhớ.

Tuỳ theo tính cách sử dụng, phận sự và hành động của Tác ý ghi nhớ. Pháp gọi là Trí nhớ đây có nhiều tên khác nhau. Chẳng hạn trường hợp Trí nhớ được Đức Phật gọi là Satibala Niệm Lực, nơi đây ngụ ý chỉ về Sức mạnh của Trí nhớ. Cũng có chỗ gọi là Satindriya Niệm căn, ý nói trí nhớ là căn bản của sức mạnh bên trong. Hay gọi Trí nhớ là một nguồn nhớ không khi nào bị gián đoạn. Chỗ khác gọi là Satisambojjhanga - Niệm Giác chi. Có nghĩa Trí nhớ là nhân sinh lên quả Bồ Đề.

Tóm lại, Trí nhớ là một phương pháp làm cho người hằng nhớ sự hành động cử chỉ của mình.

Trí nhớ có ba:

1/- Tính cách nhớ hành động của mình và của mọi người không bao giờ quên.

2/- Tính cách tìm hiểu rõ nhân và quả của các ác pháp. Nên biết rõ rằng: Việc này không phải thiện nghiệp, nó là nhân đem lại tai hại, không trong kiếp này thì cũng kiếp vị lai.

3/- Tính cách tìm hiểu nhân và quả của các điều Thiện như vậy: Điều nào thuộc về thiện pháp thì chắc chắn sẽ trả quả an vui cho ta, không trong kiếp này thì cũng kiếp sau.

Ngoài ra Trí nhớ còn có giúp chúng ta trong nhiều trường hợp như khi biện luận hay ôn nhớ lại các việc đã qua và những việc ta sẽ làm. Người làm việc thường sơ sót là vì thiếu Trí nhớ.

Trí nhớ là nhân đem lại nhiều sự lợi ích như đã kể trên. Nên Đức Thế Tôn dạy "*Satanga khvāham bhikkhave sabbatthikamvadāmin*", Đây các thầy Tỳ khưu, Như Lai hằng ngợi khen rằng: Trí nhớ là một đặc ân, một tài sản tối cao, có thể đem sự lợi ích đến cho người được.

Những Trí nhớ nói trên thuộc về trí nhớ của người phàm, nên chỉ có lợi ích trong một phạm vi nhỏ hẹp mà thôi, không phải là trí nhớ tới nơi giải thoát. Đức Thế Tôn có dạy Trí nhớ là con đường đi tới nơi

giải thoát. Thiết tưởng nhân dịp này cũng cần nhắc luôn ra đây để ông hiểu thêm.

Trí nhớ của người giải thoát là trí nhớ Tứ Niệm Xứ. Trí nhớ này có bốn chi:

1. **Niệm thân.** Nghĩa là hành giả luôn luôn ghi nhớ đến thân lấy sắc uẩn (thân) này làm ấn tượng (đề mục), quan sát cho thấy rõ thân này thật không bền vững, nó hằng đem sự đau khổ, bức tức, hằng thay đổi từng sát na. Thật ra mà nói thì nó không phải là của ta. Người hằng niệm như vậy gọi là niệm Thân.

2. **Niệm Thọ.** Nghĩa là dùng trí tuệ để quan sát Thọ uẩn (là những tiếp xúc thân nhận lấy những sự việc bên ngoài, vui hay khổ, những đề mục vui hay khổ không đề mục nào được tồn tại trong lòng ta. Nó chỉ đem lại cho ta trong nhất thời tùy theo sức của nó. Những việc gì cũng thay đổi từng sát na, nó không thường, vì vậy nên nó là khổ não. Nếu nó không thường và đem khổ não đến cho ta thì nó không phải ta nghĩa là Vô ngã. Khi ta dạy tâm ta niệm tưởng như thế gọi là niệm Thọ. Người nên nhận thấy những sự vật mà ta đã thọ lãnh đều trong phạm vi cai quản của Vô thường, Khổ não và Vô ngã.

3. **Niệm Tâm.** Người hành giả nên để tâm mình nhìn xem Thức uẩn, ý nói rằng hãy dùng trí nhớ quan sát Thức uẩn để thấy rõ rằng: Thức này thường thay đổi không ngừng nghỉ, mặc dù trong một sát na cũng khó giữ được nó. Thức là vật không bền vững nếu vật nào không bền vững là vật hằng đem lại sự đau khổ, nếu vật hằng đem đến đau khổ là không phải của Ta.

4. **Niệm Pháp.** Nghĩa là hành giả để trí nhớ vào Tướng uẩn và hành uẩn để kiểm lại cho chặt chẽ, và phải thấy rõ ràng: Hai uẩn này là Vô thường, Khổ não và Vô ngã. (Đoạn này rút trong bài kinh tên là Mahàsati-patthana có nghĩa là Đại Tứ Niệm Xứ).

Đây là bốn pháp làm cho Trí nhớ phát sinh, hành giả nên hành cho được có kết quả. Không nên dễ dãi.

1. Người có trí nhớ nên biết mình trong mọi oai nghi.

2. Tư cách của người xa lánh những người dễ dãi thiếu trí nhớ hay người say sưa vì rượu.

3. Tư cách của người thường hay thân cận với các bậc trí thức. Bậc không bao giờ dễ quên mình, ý nói người hằng có sự không dễ dãi, không hề dám xao lãng tu hành, người rất sợ luân hồi như người kinh

sợ đao phủ thủ.

4. Tư cách của người làm việc gì chẳng hạn đều để trí quan sát kỹ càng trước khi hành sự.

Trong bộ chú giải của bài kinh Đại Tứ Niệm Xứ có dạy: Người có trí nhớ luôn luôn nhớ đến bảy điều sau đây:

1. Sự bước tới bước lui.
2. Sự ngó trước trông sau.
3. Sự co tay co chân, hay ngay tay ngay chân.
4. Sự mặc y, mang bát (sự mặc áo quần).
5. Sự ăn uống (như không cho rơi rớt, đổ tháo, hay không húp canh ra tiếng, hoặc ăn chấp).
6. Sự đi đại tiểu tiện.
7. Sự đi đứng nằm ngồi.

Trí nhớ trong bảy điều kể trên là Trí nhớ có sự biết mình. Người tập như thế khi tâm được thuần thực thì người ấy có thể ngăn đón được tâm phóng túng, vọng động.

Đại đức Xá Lợi Phất có dạy "Dve dhammà bàhupakàrà", nghĩa là Trí nhớ và Biết mình là hai pháp có rất nhiều đặc ân cho người hành đạo. Tâm người mà thiếu hai pháp ấy thì nó sẽ phóng túng theo ý nó. Tâm ấy không còn phân biệt được phải trái. Ví như xe mà không có tài xế, hoặc xe đang xuống dốc mà không có thắng hay thắng bị hư. Người trên xe ấy có thể chết dễ dàng.

Tướng của trí nhớ có hai là:

1. Apilānalakkhaṇam - Tư cách nhắc nhở Tâm không cho tâm quên (mọi việc mà đã có).
2. Upagghahalakkhaṇa - Tư cách gom tâm lại một chỗ (có nghĩa là không cho Tâm phóng túng cũng gọi là Định).

Trí nhớ là nhân làm cho Tâm không quên hay không xa thiện pháp. Hơn nữa nó có lợi ích là ngăn không cho ác pháp đến gần hay xâm nhập vào Tâm. Trí nhớ giống như vị coi ngân khố nhà vua, biết rõ số vàng còn bao nhiêu và thiếu bao nhiêu cho nhà vua biết, để nhà vua không dám xa xỉ. Cũng như Trí nhớ nhắc nhở Tâm cho biết rõ đã có bao nhiêu Thiện pháp được tích trữ, và còn có bao nhiêu ác pháp đang tàn phá Tâm.

Người mà thực hành đúng theo Pháp ghi nhớ là người:

1/- Ráng học cho thông thạo Phật ngôn.

2/- Ráng thực hành đúng theo lời Phật dạy.

Người có trí nhớ là người có Thâm Tâm rất bình tĩnh. Khi có chuyện gì xảy ra làm cho bất bình cũng không hề tỏ vẻ bất bình. Chỉ có người có trí nhớ mới có thể dần được cơn nóng giận ấy. Vì người có trí nhớ hằng biết rõ: Sân là thứ thuốc độc làm hại Tâm. Sau ấy mới tìm phương thế để diệt trừ sự nóng giận bằng một phương pháp nào tùy theo trường hợp, chẳng hạn như bằng nhẫn nại, bằng từ bi hoặc bằng cách lánh mặt đi nơi khác để tránh sự đáng tiếc sắp xảy ra. Sự tránh được những cãi vã hay bất hòa cũng do nhờ Trí nhớ trước hết. Trí nhớ mà có đủ rồi có thể dập tắt được các thứ lửa như lửa Sân hận, Tham lam ... nơi mà nó vừa bộc phát. Thật ra phương pháp ghi nhớ không mất tiền mua, nhưng lại là phương pháp diệt phiền não thật là hữu hiệu.

HỎI: Ông nói Phật Pháp thật là huyền diệu. Biết được Tâm phiền não, nhưng tại sao đã có biết bao vị xuất gia tu hành tinh tấn mà không thấy vị nào đắc thánh quả giải thoát?

ĐÁP: Muốn biết rõ pháp giải thoát, ông cần phải biết sơ qua về Niết bàn của Phật pháp. Niết bàn có hai:

1. Hữu dư Niết bàn: Nghĩa là Niết bàn còn dư sót. Ý nói: Các bậc Thánh nhân đã đắc đạo, các Ngài không còn phiền não, nhưng còn mang cái thân ngũ uẩn này, các Ngài vẫn còn phải bị bệnh hoạn, còn đói khát như chúng ta. Nhưng khác hơn chúng ta là các Ngài không bị khổ phiền não. Các Ngài không khổ và không mến tiếc Ngũ uẩn như chúng ta. Các Ngài còn sống trong thế gian này vì các Ngài còn tuổi thọ nên không nhập diệt đó mà thôi.

2. Vô dư Niết bàn: Nghĩa là Niết bàn không còn dư sót. Ý nói các Ngài không còn có thân ngũ uẩn này nữa. Các Ngài đã đến Niết bàn thật sự, nghĩa là bỏ hẳn thân ngũ uẩn. Nói một cách khác để cho dễ hiểu hơn là hoàn toàn đã nhập diệt.

HỎI: Thưa ông, như chư Thánh nhân biết rằng: Đời này khổ, các Ngài đã giải thoát rồi, không mến tiếc gì thì tại sao các Ngài không nhập diệt đi cho rồi mà còn sống trong đời này để làm gì?

ĐÁP: Đã là Thánh nhân nên không còn phiền não thì các Ngài nào còn kinh sợ khổ như chúng ta. Sở dĩ các Ngài chưa nhập diệt là vì các Ngài thấy tuổi thọ các Ngài còn dư chưa hết, các Ngài đối với thân này chẳng khác nào như chúng ta mặc áo, mặc dù cũ, mới dơ, sạch cũng thế thôi. Đối với các Ngài, thân này dầu còn hay mất cũng không thành vấn đề.

Ông nói rằng: Có lẽ ông hiểu nghĩa sự giải thoát bằng cách tuyệt đối, nghĩa là theo ông phải thành Phật mới là giải thoát. Nhưng nếu ông hiểu như vậy thì chỉ đúng một phần thôi, chứ không cần phải có sự giải thoát lần hồi từng chi tiết một. Chắc ông cũng trông thấy các chư Đại đức giải thoát được rất nhiều những cái mà chúng ta còn dính mắc rất chắc như Gia đình, Quyền lợi, Danh vọng. Các Ngài hầu như xa hẳn với việc thế gian. Như vậy tại sao ông nói các Ngài không giải thoát. Sở dĩ chúng ta lễ bái cúng dường các Ngài là vì các Ngài đang thực hành những pháp cao thượng mà chúng ta chưa hành được.

Ông nói, ông không thấy các bậc Thánh nhân được giải thoát. Sự thật nếu ông ngồi đối thoại với các vị Thánh nhân mà ông nói như vậy, các Ngài nghe biết, các Ngài cũng không nói cho ông biết Ngài là Thánh nhân. Vì các Ngài không còn phiền não nên các Ngài không cần ai biết mình là gì hết.

Chỉ khi nào chính ông được giải thoát, ông đắc được Tâm pháp như các Ngài thì ông mới nhận biết các Ngài là bậc Thánh nhân.

HỎI: *Xin ông cho biết, người ta thường nói Đức Phật độ tận chúng sinh. Vậy có đúng không? Tất cả hàng Phật tử tu theo Phật giáo có được giải thoát không?*

ĐÁP: Sự thật Đức Phật không có quyền lực gì đem chúng sinh lòng còn đầy dẫy phiền não giải thoát được. Trong Tam Tạng cũng không hề thấy có nơi nào nói: Đức Thế Tôn cứu người ra khỏi khổ cả. Mà cũng không phải Ngài là đấng thiêng liêng lập ra thế gian này để cho chúng sinh ở chịu khổ. Ngài không ban phước hay cho tội chi chi hết. Ngài chỉ là đấng tìm thấy con đường giải thoát khỏi khổ, chân lý dạy người hành theo thoát khổ. Rồi vì lòng Từ bi của Ngài, nên Ngài mới đem ra giáo hoá chúng sinh, ai hành theo lời Ngài thì chắc chắn được giải thoát.

Phật pháp ví như món ăn ngon, người nào muốn ăn no và cảm thấy ngon thì nên tự mình ăn thì mới biết là vật thực ngon.

Phật pháp ví như thần dược, khi người bệnh muốn khỏi thì uống, khi uống đúng độ của thuốc thì sẽ thấy cái hay của thuốc, nghĩa là khi ấy mới thấy cái hiệu nghiệm của thuốc như thế nào. Người bệnh mới biết chính mình bớt bệnh và mạnh. Riêng người ngoài thì không biết gì cả. Cũng như nếu ông muốn biết thế nào là giải thoát thì hãy hành đạo.

Khi hành xong diệt được phiền não tới mức độ nào thì ông mới biết ông giải thoát. Vì vậy nên giải thoát mới gọi là Pháp cao siêu, vì Pháp ấy ai đắc thì chỉ có một mình người ấy hiểu biết mà thôi.

Để trả lời câu ông hỏi: Tất cả Phật tử tu theo Phật giáo có được giải thoát hết hay không? Tôi xin nhắc lại bài kinh Banakamoggallàna cho ông hiểu.

Bài kinh này, Đức Thế Tôn thuyết cho ông Bà la môn tên là Banakamoggallàna tại chùa Subbàràma gần thành Sàvatthi như vậy: Có thầy Bà la môn tên là Ganagamoggallana đến hỏi Phật rằng: Thưa ông Cồ Đàm, tất cả đệ tử của thầy nghe theo lời thầy dạy, hành theo lời thầy đều được giải thoát hết không?

Đức Thế Tôn đáp: Nay thầy Bà la môn, mặc dầu Như Lai giảng dạy thật rành như thế, nhưng cũng có vị đắc thành, có vị không đắc thành.

- Thưa thầy Cồ Đàm, do đâu, bởi lý do nào? Niết bàn có thật? Có vị giáo chủ chỉ bảo rành rẽ. Tại sao có vị đắc được Niết bàn, còn có vị không đắc được?

- Nay thầy Bà la môn, Như Lai xin hỏi thầy điều này, thầy cứ trả lời theo kiến thức của thầy. Như thầy là người rành đường đi vào thành Vương Xá, có người kia muốn vào thành Vương Xá đến hỏi thầy rằng: thưa thầy, tôi muốn đến thành Vương Xá, xin thầy vui lòng chỉ giùm.

Khi đó thầy bảo với người ấy rằng: Đây là đường đi đến thành Vương Xá, người đi đến một nơi kia có làng tên như vậy, đến nơi nọ có quận như vậy, rồi đi đến nơi có nhiều đám vườn đẹp, có ao hồ mát mẻ tốt tươi, nhà cửa xinh đẹp đó là thành Vương Xá.

Thầy chỉ rõ như vậy, nhưng người ấy lại đi lạc đường. Còn có người khác nhớ kỹ và đi đúng đường, họ đến nơi đến chốn. Nay thầy Bà la môn, vì lý do nào, vì nguyên nhân nào? Có đường đi đến thành

Vương Xá thật và người chỉ đường rất rành cũng có, nhưng tại sao có người đi lạc đường, có người lại đi đúng?

- Thừa thầy Cồ Đàm, chuyện này tôi đâu biết làm sao, vì tôi chỉ là người chỉ đường mà thôi.

- Thầy Ba la môn, Như Lai cũng vậy. Niết bàn có thật, đường đi đến Niết bàn cũng có. Nhưng có vị đệ tử của Như Lai không đến mục tiêu được, có vị lại đắc được. Như vậy đâu phải lỗi tại Như Lai, vì Như Lai cũng chỉ là người chỉ đường mà thôi.

Nếu người nào hữu duyên học thông Phật pháp và rất chuyên cần hành đúng theo lời chỉ giáo của đấng Đại Giác thì sẽ đắc quả theo ý muốn.

Người có đức tin chân chính, hành theo đúng giáo pháp của Đức Thế Tôn thì chắc chắn đắc đạo quả chẳng sai. Sở dĩ người không đắc được là vì hành không đúng theo lời Ngài dạy, người này cũng ví như người đi không đúng theo đường lối của người chỉ.

HỎI: *Rất cảm ơn ông đã vui lòng giải đáp những sự nghi ngờ và thắc mắc trong lòng tôi từ lâu. Tôi cảm thấy không còn chi đáng hỏi Ngài thêm nữa. Cầu xin ông được mạnh khỏe mãi và vui lòng chỉ giúp những điều chúng tôi nghi ngờ. Ngày nào tôi còn hoài nghi tôi sẽ đến hỏi ông thêm. Mong rằng ông vui lòng chỉ giúp.*

ĐÁP: Không có chi mà ông phải ngại, đây phải chăng là trong lúc có thì giờ nhàn rỗi chúng ta bàn qua vấn đề đạo đức chút đó thôi. Tôi cũng mong gặp lại ông ngày gần đây.

--(Hết)--